BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ VIỆT NAM TRONG GIAI ĐOẠN 2018-2020: CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC

Trần Thị Minh Hương
Viện Quản trị Kinh doanh- Đại học Kinh tế Quốc dân
Email: ttmhuong@bsneu.edu.vn

Ngày nhận: 23/7/2018
Ngày nhận bản sửa: 20/8/2018
Ngày duyệt đăng: 05/9/2018

Tóm tắt:
Trong giai đoạn phát triển 2018-2020, nền kinh tế Việt Nam có nhiều cơ hội đồng thời cũng đối mặt với nhiều khó khăn thách thức. Bài viết này phân tích các điều kiện kinh tế - xã hội trong nước và quốc tế ảnh hưởng đến phát triển kinh tế Việt Nam. Từ đó nhận diện các cơ hội và thách thức trong phát triển kinh tế Việt Nam giai đoạn 2018-2020, đồng thời đưa ra một số khuyến nghị với Nhà nước, doanh nghiệp và người lao động nhằm khai thác được các cơ hội và vượt qua những thách thức to lớn này, trên cơ sở đó góp phần phát triển kinh tế Việt Nam trong thời gian tới.
Từ khóa: Cơ hội, thách thức, kinh tế Việt Nam.
Mã JEL: E66

Vietnamese Economic Development Conditions in the period from 2018 to 2020: Opportunities and Challenges

Abstract:
In the period of 2018-2020, the Vietnamese economy has a lot of opportunities and challenges. This paper analyses the social-economic conditions in the country and in the world in order to identify opportunities and challenges in the period. The paper also provides some recommendations for the government, enterprises and labor to exploit opportunities and overcome challenges to make contribution to Vietnamese economic development in the coming time.
Keywords: Opportunities, challenges, Vietnamese economy.
JEL code: E66

1. Giới thiệu

Tại kỳ họp thứ 11 Quốc hội khóa XIII, Quốc hội Việt Nam đã thông qua nghị quyết số 142/2016/QH13 ngày 12/4/2016 về kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội Việt Nam trong giai đoạn 5 năm từ 2016-2020. Kết thúc hai năm đầu tiên trong giai đoạn này, Việt Nam đã đạt được một số kết quả về ổn định kinh tế vĩ mô, tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, tiếp tục tái cơ cấu kinh tế, triển khai cải cách hành chính. Tuy nhiên vẫn còn nhiều khó khăn hạn chế trong hoạt động sản xuất, xuất khẩu, tái cơ cấu kinh tế, xử lý nợ xấu và các ngân hàng thương mại yếu kém…Trong thời gian còn lại của giai đoạn phát triển này từ 2018-2020, kinh tế Việt Nam có nhiều cơ hội đồng thời cũng đối mặt với nhiều thách thức. Trên cơ sở phân tích các điều kiện kinh tế - xã hội trong nước và quốc tế, bài viết làm rõ các cơ hội và thách thức đối với phát triển kinh tế Việt Nam đồng thời đưa ra một số khuyến nghị với Nhà nước, doanh nghiệp và người lao động nhằm khai thác được các

cơ hội và vượt qua những thách thức to lớn này.

2. Các điều kiện kinh tế - xã hội trong nước và quốc tế ảnh hưởng đến phát triển kinh tế Việt Nam

2.1. Các điều kiện kinh tế - xã hội trong nước

Môi trường kinh tế vĩ mô ổn định

Chính phủ đã tập trung chỉ đạo, điều hành linh hoạt, phối hợp chặt chẽ giữa chính sách tài khóa với chính sách tiền tệ và các chính sách khác để thúc đẩy tăng trưởng, kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô. Tăng trưởng GDP 6 tháng đầu năm 2018 ước tính tăng 7,08% so với cùng kỳ năm trước (Quý I tăng 7,45%; quý II tăng 6,79%), là mức tăng cao nhất của 6 tháng kể từ năm 2011 trở về đây. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân 6 tháng đầu năm 2018 tăng 3,29% so với bình quân cùng kỳ năm 2017 (Tổng cục Thống Kê, 2018).

Cũng theo báo cáo của Tổng cục Thống Kê, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã điều hành chính sách tiền tệ theo mục tiêu ổn định vĩ mô và kiểm soát lạm phát. Tính đến thời điểm 20/6/2018, tổng phương tiện thanh toán tăng 7,96% so với cuối năm 2017, huy động vốn của các tổ chức tín dụng tăng 7,78%, tăng trưởng tín dụng 6 tháng đầu năm 2018 đạt 6,35%. Mặt bằng lãi suất trong những tháng đầu năm 2018 được giữ ổn định. Hiện nay, mặt bằng lãi suất cho vay phổ biến ở mức 6% - 9%/năm đối với ngắn hạn, 9% - 11%/năm đối với trung và dài hạn. Đây là những điều kiện quan trọng cho phát triển kinh tế Việt Nam trong giai đoạn tới.

Gia tăng hội nhập kinh tế với các hiệp định thương mại

Năm 2006 Việt Nam chính thức gia nhập WTO, đây được coi là cột mốc quan trọng đánh dấu cho làn sóng hội nhập kinh tế thế giới của Việt Nam. Hiện nay chính phủ Việt Nam đã ký kết và đang tiếp tục đàm phán nhiều hiệp định thương mại được coi là sẽ làm gia tăng mạnh mẽ sự hội nhập của nền kinh tế Việt Nam.

Trong thời gian qua, hàng loạt hiệp định được ký kết như: hình thành Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC); FTA với Liên minh châu Âu, FTA Việt Nam - Nhật Bản; FTA Việt Nam - Chi Lê; FTA Việt Nam - Hàn Quốc; FTA Việt Nam - Liên minh Á-Âu; Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (Trans-Pacific Partnership Agreement - TPP) giữa 12 nước trong đó có Việt Nam đã được ký kết chính thức vào ngày 4 tháng 2 năm 2016 dù sau đó Hoa Kỳ đã rút khỏi hiệp định này. Sau khi Hoa Kỳ rút lui, 11 nước còn lại vẫn tiếp tục thúc đẩy và đạt được thỏa thuận về tên gọi mới của hiệp định TPP là Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (Comprehensive and Progressive Agreement for Trans-Pacific Partnership – CPTPP) được ký kết ngày 8/3/2018. Các hiệp định thương mại thế hệ mới mang lại nhiều cơ hội nhưng đồng thời cũng tạo ra nhiều thách thức đối với nền kinh tế Việt Nam trong giai đoạn phát triển tới.

Nguồn nhân lực dồi dào nhưng trình độ không cao, năng suất lao động thấp

Việt Nam là quốc gia đông dân. Dân số trung bình năm 2018 của cả nước ước tính 94,66 triệu người, trong đó lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên của cả nước đến thời điểm 01/7/2018 ước tính là 55,1 triệu người (Tổng cục Thống Kê, 2018). Tuy nhiên, lao động Việt Nam có trình độ thấp, cũng theo số liệu của Tổng cục Thống kê, lao động có việc làm đã qua đào tạo từ trình độ sơ cấp trở lên ước tính chỉ chiếm 20,3% số lao động có việc làm trong toàn quốc.

Với thực tế đó, năng suất lao động xã hội của Việt Nam đạt được ở mức thấp. Năng suất lao động xã hội của toàn nền kinh tế Việt Nam năm 2017 theo giá hiện hành ước tính đạt 93,2 triệu đồng/lao động (tương đương khoảng 4.159 USD/lao động). Mặc dù năng suất lao động của Việt Nam đã tăng đều qua các năm nhưng còn ở mức thấp so với các nước trong khu vực. Cụ thể năng suất lao động của Việt Nam chỉ bằng 7,0% của Xin-ga-po; 17,6% của Ma-lai-xi-a; 36,5% của Thái Lan; 42,3% của In-đô-nê-xi-a; 56,7% của Phi-li-pin và bằng 87,4% của Lào. Đáng chú ý là chênh lệch về năng suất lao động giữa Việt Nam với các nước vẫn tiếp tục gia tăng (Tổng cục Thống Kê, 2017).

Trình độ công nghệ còn thấp

Trình độ phát triển khoa học và công nghệ của Việt Nam còn thấp, mặc dù gần đây đã được cải thiện. Theo bảng xếp hạng Báo cáo chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII) xác định trình độ khoa học và công nghệ của các quốc gia do Viện Quản trị kinh doanh châu Âu (INSEAD), Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO), Đại học Cornell (Mỹ) công bố hằng năm, xếp hạng của Việt Nam đã có tiến bộ. Năm 2018, Việt Nam đã tăng 2 bậc, đứng thứ 45/126 quốc gia và nền kinh tế (Bộ Khoa học và Công nghệ, 2018). Trước đó, năm 2013 Việt Nam đứng thứ 76, năm

2014 đứng thứ 71, năm 2015 đứng thứ 52 (Minh Nhật, 2016). Qua đó cho thấy, trình độ phát triển khoa học và công nghệ của Việt Nam đã có những thay đổi tích cực. Tuy nhiên, nhìn chung theo bảng xếp hạng, Việt Nam vẫn còn đứng ở mức thấp.

Theo thông tin từ tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam trích dẫn trả lời phỏng vấn của Thứ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Trần Quốc Khánh, tiềm lực khoa học và công nghệ Việt Nam phát triển còn chậm, cơ sở vật chất kỹ thuật, hạ tầng khoa học và công nghệ còn thiếu, lạc hậu, hoạt động chưa hiệu quả. Hạ tầng thông tin khoa học và công nghệ tuy có bước phát triển mạnh trong thời gian gần đây nhưng chưa đáp ứng nhu cầu khai thác, sử dụng của cộng đồng khoa học công nghệ và doanh nghiệp. Thị trường khoa học và công nghệ còn chậm phát triển. Doanh nghiệp chậm đầu tư đổi mới công nghệ và thúc đẩy hoạt động sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, nhận thức về vai trò của khoa học và công nghệ đối với sự phát triển của doanh nghiệp còn hạn chế (Nguyễn Thị Hải Hằng, 2016).

Cơ sở hạ tầng chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển

Hệ thống tài chính Việt Nam đang được đánh giá là có mức độ rủi ro cao. Theo báo cáo từ công ty đánh giá tín dụng bảo hiểm hàng đầu của Mỹ là A. M. Best (AMB), mức độ rủi ro trong hệ thống tài chính Việt Nam đã bị đánh giá là "rất cao", theo thang điểm chung của AMB thì Việt Nam nằm ở bậc CRT-4 (Đinh Hạnh, 2016). Mặc dù tỷ lệ nợ xấu bình quân toàn hệ thống tổ chức tín dụng đã giảm dần từ 17,21% dư nợ (tháng 9/2012) xuống còn 2,52% trong năm 2016 và tiếp tục giảm xuống 2,34% trong năm 2017, nhưng đây mới chỉ là nợ xấu nội bảng chưa tính đến số nợ xấu mà Công ty Quản lý Tài sản Việt Nam (VAMC) đã mua mà chưa xử lý được. Tổng nợ xấu mà công ty VAMC đã mua, nhưng chưa xử lý được, là trên 200.000 tỷ đồng, chiếm 3,29% tổng dư nợ. Nếu so với các nước trong khu vực, con số này hiện còn cao hơn so với Philippine (1,7%), Indonesia (1,5%), Thái Lan (3%), Singapore (2,9%), Malaysia (2%) (Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, 2018).

Hệ thống giao thông, thông tin liên lạc của Việt Nam cũng không được đánh giá cao. Theo báo cáo năng lực cạnh tranh toàn cầu 2017 của Diễn đàn Kinh tế thế giới (WEF), Việt Nam có năng lực cạnh tranh xếp thứ 55/137 nền kinh tế được Diễn đàn Kinh tế thế giới (WEF) đánh giá. Với thứ hạng này, Việt Nam xếp trên một số nước ASEAN như Philippines (xếp thứ 56), Campuchia (94), Lào (98), nhưng xếp dưới Indonesia (36), Thái Lan (32), Malaysia (23), Singapore (3), và hai nền kinh tế lớn của châu Á là Trung Quốc (27) và Ấn Độ (40) (Nguyễn Chí Hiếu, 2018). Việc đánh giá của WEF dựa trên nhiều tiêu chí trong đó có tiêu chí về cơ sở hạ tầng (chất lượng hạ tầng giao thông, chất lượng dịch vụ vận chuyển, sử dụng công nghệ thông tin). Tiêu chí về cơ sở hạ tầng được xếp ở nhóm thứ nhất là nhóm yếu tố điều kiện cơ bản (bao gồm thể chế, cơ sở hạ tầng, môi trường kinh tế vĩ mô, y tế và giáo dục phổ thông). Năm 2017, nhóm yếu tố điều kiện cơ bản của Việt Nam chỉ được xếp hạng thứ 75 (Nguyễn Chí Hiếu, 2018).

2.2. Bối cảnh quốc tế

Kinh tế toàn cầu tăng trưởng với tốc độ *khả quan hơn nhưng vẫn còn nhiều khó khăn*

Tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2017 đạt 3% cao hơn tỷ lệ đạt được 2,4% trong năm 2016 (Bình Minh, 2018). Động lực chính của sự tăng trưởng này là từ các thị trường mới nổi và các nền kinh tế đang phát triển, trong đó kinh tế Ấn Độ tạo ấn tượng mạnh. Theo số liệu báo cáo của WorldBank, tốc độ tăng trưởng của kinh tế Ấn Độ năm 2017 đạt 6,7%. Còn với nhóm các nền kinh tế phát triển, tăng trưởng diễn ra chậm chạp hơn mặc dù đã đạt kết quả khả quan hơn so với năm 2016. Theo WorldBank, năm 2017 các nền kinh tế phát triển tăng trưởng 2,3% (năm 2016 là 1,6%), trong đó Mỹ cũng đạt 2,3% (năm 2016 là 1,5%), khu vực châu Âu đạt 2,4% (năm 2016 là 1,8%), Nhật đạt 1,7% (năm 2016 là 0,9%).

Có thể thấy, sau 10 năm diễn ra cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu năm 2008, kinh tế thế giới hiện tại đã tăng trưởng với tốc độ khả quan hơn nhưng vẫn chưa lấy lại được đà tăng trưởng như trước đó. Các nền kinh tế chủ chốt đang nỗ lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của nước mình nhưng kết quả đạt được còn hạn chế. Kinh tế Mỹ và khu vực châu Âu đều tăng trưởng thấp, kinh tế Trung Quốc có dấu hiệu tăng trưởng chậm lại (số liệu của WorldBank cho thấy kinh tế Trung Quốc đạt mức tăng trưởng 6,7% năm 2016 và 6,8% năm 2017 là mức thấp nhất từ năm 1990) với những vấn đề lớn như tỷ lệ nợ tăng cao, đồng nhân dân tệ yếu, bong bóng bất động sản... Theo số liệu của Viện Tài chính Quốc tế (IFF),

tỷ lệ nợ so với GDP của Trung Quốc đã vượt 300% vào thời điểm tháng 6/2018 (An Huy, 2018a). Nguy cơ bong bóng bất động sản tại nước này cũng ngày càng hiện hữu. Theo kết quả nghiên cứu của Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc thực hiện năm 2016, giá nhà trung bình tại 70 thành phố lớn của Trung Quốc trong khảo sát vào tháng 8/2016 đã tăng 9,2% so với cùng kỳ năm trước (Tạp chí tài chính điện tử, 2016a).

Bên cạnh đó, châu Âu còn phải giải quyết các vấn đề kinh tế liên quan đến việc Anh rời khỏi EU. Hậu BREXIT, các mối quan hệ thương mại và đầu tư ở châu Âu sẽ chịu ảnh hưởng nặng nề, kinh tế thế giới cũng sẽ phải chịu thêm nhiều khó khăn. Theo nhận định của Tổng Thư ký Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) vấn đề này sẽ ảnh hưởng không tốt tới cả Anh, châu Âu và toàn thế giới (Thông tấn xã Việt Nam, 2016).

Thị trường tài chính - tiền tệ quốc tế có nhiều biến động

Thị trường tài chính - tiền tệ quốc tế có nhiều biến động. Đồng USD sau thời gian dài mất giá từ 2016, 2017 đến đầu năm 2018 đã có thay đổi, phục hồi và tăng giá sau các thông tin khả quan của nền kinh tế Mỹ và đặc biệt là do tác động tăng lãi suất của FED lên 1,75% vào tháng 3/2018 và tiếp tục tăng lên 2% vào tháng 6/2018, đồng thời cũng hé lộ khả năng FED sẽ tiếp tục tăng lãi suất hai lần nữa vào năm 2018 (An Huy, 2018b). Các nước phát triển khác cũng thay đổi điều hành chính sách tiền tệ, tài khóa, theo đó chính sách tiền tệ được điều hành thận trọng hơn, ngoại trừ Nhật Bản duy trì chính sách nới lỏng. Bên cạnh đó, năm 2018, Mỹ thực hiện Chương trình cải cách thuế với nội dung chính là giảm mạnh thuế thu nhập cho doanh nghiệp và cá nhân trong nội bộ nước Mỹ. Chương trình có thể tác động trái chiều theo hướng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế Mỹ, nhưng cũng gây ra những tác động không mong muốn lên kinh tế và thương mại toàn cầu do dòng vốn sẽ có xu hướng quay về đầu tư tại Mỹ nhiều hơn

Mức nợ toàn cầu có xu hướng tăng mạnh, theo báo cáo của Viện Tài chính Quốc tế IFF, nợ toàn cầu đã đạt mức kỷ lục 247.000 tỉ USD vào quý I/2018 (Thu Thảo, 2018). Theo Quỹ Tiền tệ Quốc tế IMF, nợ trung bình của các nền kinh tế phát triển lên tới mức 105% GDP, vượt xa mức nợ ở các thị trường mới nổi. Nợ của các nền kinh tế có thu nhập trung bình khoảng 50% GDP, trong khi nợ của các nước có thu nhập thấp chiếm khoảng 40% GDP vào năm 2017 (Cẩm Anh, 2018). Mức nợ toàn cầu cao đã tạo ra rủi ro tiềm ẩn đối với hệ thống tài chính toàn cầu.

Bên cạnh đó, một mối đe dọa khác đối với hệ thống tài chính toàn cầu là nguy cơ tài sản bong bóng. Theo Quỹ Tiền tệ Quốc tế IMF, việc đánh giá các tài sản mạo hiểm đang trong biên độ lớn và đã xuất hiện động thái của chu kỳ tín dụng giai đoạn cuối – giống như giai đoạn trước khủng hoảng, khi đó, nhiều tài sản có giá bong bóng. Giá cổ phiếu được đánh giá cao hơn so với thực tế, đặc biệt là tại Mỹ, trái phiếu công ty cũng có giá cao hơn (Việt Nga, 2018). Giá các tài sản tài chính cao hơn cả những thời điểm khủng hoảng tài chính trước đây tạo ra khả năng về tình trạng "bong bóng" tài sản tài chính, từ đó dẫn đến rủi ro cao đối với kinh tế toàn cầu, không loại trừ khả năng phải đối mặt với một cuộc khủng hoảng tài chính ở cấp độ toàn thế giới.

Xu hướng bảo hộ và đối đầu thương mại gia tăng

Xu hướng bảo hộ đang xuất hiện trở lại và thể hiện ngày càng rõ ràng hơn qua việc nước Anh rời khỏi thị trường chung châu Âu, Mỹ rút khỏi Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) và hàng loạt biện pháp bảo hộ hàng hóa của các nước. Tổng thống Mỹ Donald Trump đã thể hiện rõ xu hướng đi ngược lại chủ nghĩa toàn cầu và bảo hộ thương mại trong nước. Ông tập trung vào việc mang lại việc làm cho người dân Mỹ, chủ trương giảm thuế thu nhập để khuyến khích các công ty quay lại Mỹ kinh doanh. Một động thái nữa thể hiện rất rõ xu hướng này là ngay sau khi nhậm chức, ngày 23/1/2017, ông đã ký sắc lệnh rút Mỹ khỏi Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP), ông cũng đề xuất đàm phán lại các điều khoản của Hiệp định Thương mại tự do Bắc Mỹ và xem xét lại các hiệp định thương mại khác. Xu hướng bảo hộ cũng thể hiện qua việc nhiều nước tăng cường hàng rào bảo hộ thuế quan như gần đây Mỹ, Trung Quốc và một số nước mới nổi đã áp thuế chống phá giá đối với hàng nhập khẩu, đặc biệt là sản phẩm thép từ Hàn Quốc (Tạp chí Tài chính điện tử, 2018b).

Hệ quả của xu hướng bảo hộ thương mại là đối đầu thương mại gia tăng, trong đó đặc biệt là cuộc chiến thương mại giữa hai nền kinh tế lớn là Mỹ và Trung Quốc. Ngày 6/7/2018 Mỹ đã chính thức thông báo áp thuế nhập khẩu 25% đối với 34 tỉ USD hàng hóa nhập từ Trung Quốc kèm theo lời đe dọa trước đó của Tổng thống Mỹ Donald Trump rằng sẽ áp

thuế lên số hàng hóa có tổng giá trị lên tới 500 tỷ USD nếu Bắc Kinh trả đũa. Tuy nhiên, ngay sau đó, Trung Quốc đã tuyên bố áp thuế đối với hàng Mỹ nhập khẩu vào Trung Quốc với trị giá tương đương số hàng hóa Trung Quốc bị Mỹ áp thuế. Bắc Kinh gọi những gì Washington làm là khởi động cuộc chiến tranh thương mại có quy mô lớn nhất trong lịch sử (Hùng Cường, 2018). Cuộc chiến giữa hai nền kinh tế lớn này không chỉ gây thiệt hại cho hai quốc gia mà còn ảnh hưởng lớn đến kinh tế thế giới.

Sự phát triển của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0

Thuật ngữ Công nghiệp 4.0 khởi nguồn từ khái niệm "Industrie 4.0" trong một báo cáo của chính phủ Đức năm 2013. Hiện tại cuộc cách mạng này đang phát triển mạnh mẽ tại các nước phát triển như Mỹ, châu Âu và một số nước châu Á. Cách mạng công nghiệp 4.0 kết hợp các công nghệ lại với nhau, được phát triển trên ba trụ cột chính là vật lý, kỹ thuật số và công nghệ sinh học (Khương Nha & Duy Tín, 2017). Cuộc cách mạng 4.0 được cho là có sự khác biệt về quy mô và mức độ ảnh hưởng lớn hơn tất cả các cuộc cách mạng công nghiệp trước đây. Với đặc trưng kết hợp các công nghệ lại với nhau, sự phát triển của cách mạng 4.0 sẽ ảnh hưởng đến mọi ngành nghề, mọi nền kinh tế và mọi chính phủ.

Trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, phương Tây không còn giữ ưu thế độc quyền nữa do nhiều nước châu Á cũng phát triển rất mạnh mẽ trong cuộc chiến sáng tạo này. Trung Quốc đã phát triển bùng nổ trong thập kỷ qua với bước tiến lớn về công nghệ. Thậm chí trong mảng hạ tầng vật lý, Trung Quốc còn chiếm ưu thế hơn so với phương Tây về hạ tầng băng thông tốc độ cao 5G. Đông Nam Á gần đây được coi là có thể trở thành thung lũng Silicon thứ hai với nền kinh tế Internet đã đạt giá trị 50 tỷ USD trong năm 2017 và dự báo sẽ tăng lên 200 tỷ USD trong năm 2025 (M. Hà, 2018).

3. Cơ hội và thách thức trong phát triển kinh tế Việt Nam giai đoạn 2018-2020

3.1. Cơ hội

Với bối cảnh các điều kiện kinh tế -xã hội trong nước và quốc tế, kinh tế Việt Nam có nhiều cơ hội để phát triển.

Thứ nhất là cơ hội thu hút đầu tư nước ngoài. Môi trường chính trị ổn định, vị trí địa lý thuận lợi, chính sách khuyến khích thu hút đầu tư của Chính phủ Việt Nam cùng môi trường kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm soát, nguồn nhân lực dồi dào là những điều kiện thuận lợi cho đầu tư nước ngoài vào Việt Nam. Mặt khác, việc thực hiện các cam kết trong các hiệp định thương mại thế hệ mới như dỡ bỏ các biện pháp hạn chế đầu tư và dịch vụ, bảo hộ đầu tư công bằng, không phân biệt đối xử, các cam kết về thể chế, chính sách, môi trường kinh doanh… sẽ khiến cho môi trường đầu tư của Việt Nam trở nên minh bạch hơn, thuận lợi hơn, từ đó sẽ tạo cơ hội thu hút được nhiều vốn đầu tư hơn nữa. Cùng với việc cải thiện môi trường đầu tư, hội nhập kinh tế quốc tế cũng mở ra các cơ hội lớn khi đầu tư tại Việt Nam, các nhà đầu tư có thể tiếp cận và hưởng ưu đãi thuế quan từ các thị trường lớn mà Việt Nam đã ký kết hiệp định thương mại như khu vực ASEAN, Hàn Quốc, Nhật Bản…

Thứ hai là cơ hội đẩy mạnh sản xuất trên cơ sở mở rộng thị trường xuất khẩu và đa dạng hóa thị trường nhập khẩu, giảm sự phụ thuộc vào các thị trường nguyên liệu truyền thống. Các hiệp định thương mại thế hệ mới với mục tiêu xóa bỏ phần lớn thuế quan cho hàng hóa giữa Việt Nam và các nước đối tác, trong đó có những đối tác đặc biệt lớn như EU, Nhật Bản sẽ là cơ hội rất tốt cho hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam tăng sức cạnh tranh về giá khi tiếp cận thị trường các nước đối tác. Mặt khác, thị trường Việt Nam được mở cửa cho hàng hóa, dịch vụ đến từ các nước đối tác thông qua việc cắt giảm thuế quan, các doanh nghiệp Việt Nam sẽ có một môi trường kinh doanh cạnh tranh hơn, với hàng hóa và dịch vụ giá rẻ hơn chất lượng tốt hơn, với công nghệ, máy móc thiết bị, nguyên vật liệu phong phú hơn và giá thấp hơn. Điều này sẽ là cơ hội cho Việt Nam giảm được sự phụ thuộc vào các thị trường nguyên liệu truyền thống, đặc biệt giảm sự phụ thuộc vào thị trường Trung Quốc là thị trường nguyên liệu lớn nhất hiện nay của Việt Nam. Báo cáo tổng kết của Bộ Công Thương (2016) cho biết Trung Quốc vẫn tiếp tục là thị trường mà Việt Nam nhập siêu lớn nhất với 28 tỷ USD trong năm 2016.

Thứ ba là cơ hội chuyển dịch cơ cấu sản xuất. Gia tăng hội nhập kinh tế quốc tế là cơ hội thúc đẩy tái cấu trúc nền kinh tế, đặc biệt là chuyển dịch cơ cấu sản xuất hàng hóa xuất khẩu theo hướng tập trung nhiều hơn vào các mặt hàng chế biến, chế tạo có giá trị và hàm lượng công nghệ cao, tạo ra giá trị gia tăng cao hơn như máy vi tính, linh kiện điện tử, điện thoại… phù hợp với chủ trương công nghiệp hóa theo hướng hiện đại của Chính phủ.

Thứ tư là cơ hội để nâng cao trình độ công nghệ, học tập kinh nghiệm quản lý. Hội nhập kinh tế quốc tế, thu hút đầu tư nước ngoài không chỉ là cơ hội để tăng nguồn vốn mà bên cạnh đó là cơ hội tiếp cận nguồn máy móc thiết bị hiện đại, công nghệ kỹ thuật cao, kinh nghiệm quản lý, công nghệ sản xuất/dịch vụ hiện đại… từ làn sóng đầu tư nước ngoài lan tỏa ra các doanh nghiệp Việt Nam, để các doanh nghiệp Việt Nam có thể hợp tác hiệu quả và cùng hưởng lợi với các doanh nghiệp FDI.

Thứ năm là cơ hội từ tiếp cận cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. Trong bối cảnh kinh tế Việt Nam đang hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới, việc tiếp cận thành tựu của cách mạng 4.0 sẽ giúp Việt Nam đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tham gia một cách hiệu quả hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu. Cuộc cách mạng này cũng là một cơ hội cho Việt Nam đẩy mạnh sáng tạo về công nghệ, vươn lên, bứt phá, phát triển nền kinh tế tri thức. Các doanh nghiệp sẽ có cơ hội tiếp cận công nghệ mới, tăng năng suất lao động và chất lượng sản phẩm, đồng thời tiếp cận thành quả của cuộc cách mạng này sẽ làm chi phí cho giao thông vận chuyển và thông tin giảm xuống, dịch vụ hậu cần và chuỗi cung ứng hoạt động hiệu quả hơn, dẫn đến cơ hội mở rộng thị trường và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

3.2. Thách thức

Thứ nhất là thách thức về đáp ứng yêu cầu của các hiệp định thương mại trong bối cảnh gia tăng hội nhập kinh tế quốc tế. Các hiệp định thương mại thế hệ mới như Hiệp định thương mại tự do Việt Nam-Liên minh châu Âu (EVFTA), Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Liên minh kinh tế Á-Âu (EAEU)… thường có yêu cầu cao về các vấn đề như nguyên tắc xuất xứ, tiêu chuẩn kỹ thuật sản phẩm, vệ sinh an toàn thực phẩm, môi trường, lao động... Thông thường khi hàng rào thuế quan không còn nữa thì các nước nhập khẩu sẽ có xu hướng tăng cường sử dụng hàng rào phi thuế quan và các biện pháp bảo vệ khác như chống bán phá giá, chống trợ cấp để bảo vệ sản xuất trong nước. Đây là một thách thức lớn đối với nền kinh tế Việt Nam do hiện tại nguồn nguyên liệu cho sản xuất hàng xuất khẩu của chúng ta chủ yếu được nhập khẩu từ Trung Quốc và ASEAN. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp Việt Nam cũng phải cải thiện rất nhiều về chất lượng sản phẩm, đảm bảo các tiêu chuẩn vệ sinh an toàn mới có thể đáp ứng được yêu cầu và vượt qua các rào cản phi thuế quan.

Thứ hai là thách thức về nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp Việt Nam. Khi gia tăng hội nhập kinh tế quốc tế, Việt Nam sẽ phải mở cửa thị trường hàng hóa rộng hơn thông qua việc gỡ bỏ hàng rào thuế quan đối với các nước đối tác. Không còn sự bảo hộ từ hàng rào thuế, các doanh nghiệp Việt Nam sẽ phải chịu sức ép gia tăng từ việc cạnh tranh với hàng hóa nhập khẩu từ các nước đối tác. Trong điều kiện lực lượng lao động có trình độ không cao, năng suất lao động thấp, trình độ công nghệ lạc hậu, cơ sở hạ tầng chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển thì đây là một thách thức rất lớn. Mặt khác, sản xuất nội địa cũng chịu ảnh hưởng từ những quy định, chính sách mới đối với sản xuất trong nước từ các hiệp định thương mại thế hệ mới như những quy định về lao động, môi trường, bảo hộ quyền sáng chế … sẽ làm tăng chi phí cho doanh nghiệp dẫn đến giảm năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp Việt Nam.

Thứ ba là thách thức trong việc điều hành nền kinh tế một cách linh hoạt trong bối cảnh thị trường tài chính tiền tệ quốc tế có nhiều biến động, xu hướng bảo hộ và đối đầu thương mại gia tăng. Hiện nay, các nền kinh tế lớn có ảnh hưởng trực tiếp đến kinh tế Việt Nam như Trung Quốc, Mỹ, EU đều có biến động. Kinh tế Trung Quốc gặp nhiều khó khăn với tỷ lệ nợ công và nợ xấu cao, nguy cơ bong bóng bất động sản, đồng nhân dân tệ yếu. Kinh tế Mỹ có những biến động từ các chính sách mới của tân Tổng thống Donal Trump như quyết định rút Mỹ khỏi TPP, giảm thuế thu nhập và quyết định tăng lãi suất của FED. Kinh tế EU sẽ chịu tác động lớn từ sự kiện Anh rời khỏi liên minh châu Âu. Tất cả những biến động này đều có ảnh hưởng lớn đến kinh tế Việt Nam. Trước tiên là với hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương CPTPP không có sự tham gia của Mỹ, dự báo FDI vào Việt Nam và các nước thành viên khác của hiệp định có thể bị ảnh hưởng tiêu cực trong ngắn hạn. FDI từ Trung Quốc cũng có thể giảm tốc trong thời gian tới do nước này bắt đầu kiềm chế dòng vốn đầu tư ra nước ngoài. Xu hướng tăng lãi suất của FED và tăng giá của đồng USD cũng sẽ tạo áp lực lên mặt bằng lãi suất của VND và ảnh hưởng đến tỷ giá với VND. Trong điều kiện kinh tế và chính trị quốc tế có nhiều biến động, kinh tế toàn cầu còn gặp nhiều khó khăn, việc điều hành nền kinh tế một cách linh hoạt với các chính sách vĩ mô phù hợp với đặc điểm trong nước và sự biến động của môi trường quốc tế cũng là một thách

thức lớn trong việc phát triển kinh tế Việt Nam.

Thứ tư là thách thức trong bối cảnh phát triển của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. Cuộc cách mạng 4.0 không chỉ mang đến cơ hội cho nền kinh tế Việt Nam mà còn đưa đến những thách thức to lớn. Đó là thách thức về vấn đề chúng ta sẽ tụt hậu xa hơn so với các nước phát triển, khoảng cách công nghệ và tri thức bị nới rộng hơn sẽ dẫn đến sự phân hóa sâu sắc hơn, lao động chi phí thấp sẽ mất dần lợi thế, những ngành xuất khẩu quan trọng như dệt may, da giày sẽ dần mất đi lợi thế khi máy móc dần thay thế con người. Bên cạnh đó, thị trường lao động sẽ bị ảnh hưởng mạnh khi tự động hóa thay thế con người, lao động sẽ bị dư thừa, tỷ lệ thất nghiệp tăng cao, đây không chỉ là một thách thức đối với nền kinh tế mà còn là một vấn đề xã hội mà chúng ta có nguy cơ phải đối mặt.

4. Kết luận và khuyến nghị

Trong giai đoạn phát triển 2018-2020, nền kinh tế Việt Nam có nhiều cơ hội đồng thời cũng đối mặt với nhiều khó khăn thách thức. Để tận dụng được cơ hội và vượt qua những thách thức này, Nhà nước, doanh nghiệp và người lao động cần nỗ lực đổi mới theo các hướng sau:

4.1. Đối với Nhà Nước

Thứ nhất là đẩy mạnh việc hoàn thiện thể chế, chính sách pháp luật, tạo hành lang pháp lý theo hướng đảm bảo việc tổ chức và thực hiện các cam kết trong các hiệp định thương mại, đồng thời cũng tạo ra môi trường kinh doanh đầu tư thông thoáng, thuận lợi hơn cho các doanh nghiệp. Đồng thời, chú trọng hoàn thiện khuôn khổ pháp lý tạo điều kiện cho phát triển khoa học công nghệ nói chung và cách mạng công nghiệp 4.0 nói riêng sẽ giúp cho Việt Nam tiếp cận tốt hơn thành quả của cuộc cách mạng này.

Thứ hai là nỗ lực ổn định kinh tế vĩ mô đồng thời điều hành nền kinh tế một cách linh hoạt phù hợp với những biến động của kinh tế quốc tế, chú trọng chính sách tài chính tiền tệ, kiểm soát lạm phát, tỷ giá tạo điều kiện cho doanh nghiệp hoạt động kinh doanh ổn định và phát triển.

Thứ ba là đẩy mạnh cải cách hành chính, đơn giản hóa thủ tục, cải tiến quy trình, tăng cường công khai minh bạch tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp trong xúc tiến đầu tư, thực hiện các thủ tục trong hoạt động xuất nhập khẩu như kê khai nguồn gốc xuất xứ, các thủ tục về hải quan…giúp doanh nghiệp giảm bớt thời gian và chi phí.

Thứ tư là hỗ trợ phát triển hệ thống thông tin đến doanh nghiệp qua các kênh khác nhau, giúp cho doanh nghiệp nắm bắt kịp thời các thông tin cần thiết, các quy định, chính sách có liên quan khi tham gia các hiệp định thương mại. Trên cơ sở đó, giúp cho doanh nghiệp có chiến lược, hoạch định kinh doanh phù hợp cũng như giúp giảm thiểu các chi phí và thời gian cho việc thực hiện các thủ tục cần thiết.

4.2. Đối với doanh nghiệp

Thứ nhất là cần nâng cao tính chủ động, kịp thời nắm bắt các thông tin của thị trường, nắm vững các quy định, các điều kiện thực hiện khi tham gia các hiệp định thương mại, đặc biệt quy định của mỗi hiệp định đối với mỗi nhóm hàng, sản phẩm sẽ khác nhau như quy định về nguyên tắc xuất xứ. Doanh nghiệp cần nghiên cứu nắm rõ quy định đối với sản phẩm của mình trên cơ sở đó xây dựng chiến lược kinh doanh phù hợp.

Thứ hai là cần tăng cường cải tiến quản lý, đầu tư nâng cao trình độ công nghệ, chú trọng tiếp cận thành quả của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, tăng năng suất lao động và nâng cao chất lượng sản phẩm, tạo điều kiện nâng cao sức cạnh tranh trên thị trường.

Thứ ba là cần chú trọng đào tạo nguồn nhân lực, đảm bảo lao động có tay nghề tốt đáp ứng được yêu cầu về chất lượng sản phẩm và tăng năng suất lao động, cũng trên cơ sở đó có điều kiện để tăng thu nhập cho người lao động.

4.3. Đối với người lao động

Trước những cơ hội và thách thức được tạo ra trong giai đoạn phát triển tới của nền kinh tế, bản thân người lao động cũng cần nỗ lực học hỏi nâng cao trình độ để đáp ứng được với những điều kiện mới, sử dụng được những máy móc thiết bị với công nghệ cao hơn, tăng năng suất lao động. Đặc biệt, trong bối cảnh phát triển của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, người lao động càng cần phải không ngừng cố gắng trang bị kiến thức, không để bản thân bị tụt hậu và đào thải. Lao động quản lý cần linh hoạt, nhạy bén với tình hình mới, nắm bắt kịp thời xu hướng trên thị trường, nắm vững các quy định, thủ tục khi tham gia các hiệp định thương mại, cải tiến quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh, góp phần giảm chi phí và giá thành, nâng cao sức cạnh tranh của hàng Việt Nam.

Tài liệu tham khảo:

An Huy (2018a), 'Trung Quốc có thể gánh núi nợ xấu nếu con đường tơ lụa thất bại', *VnEconomy*, truy cập lần cuối ngày 26/7/2018 từ http://vneconomy.vn/the-gioi/trung-quoc-co-the-ganh-nui-no-xau-neu-con-duong-to-lua-that-bai-20170824055172 67.htm

An Huy (2018b), 'FED tăng lãi suất, phát tín hiệu nâng hai lần nữa trong 2018', *VnEconomy*, truy cập lần cuối ngày 26/7/2018 từ http://vneconomy.vn/fed-tang-lai-suat-phat-tin-hieu-nang-hai-lan-nua-trong-2018-20180614072439249.htm

Bình Minh (2018), 'WB nâng mức dự báo về tăng trưởng kinh tế toàn cầu', *VnEconomy*, truy cập lần cuối ngày 26/7/2018 từ http://vneconomy.vn/wb-nang-muc-du-bao-ve-tang-truong-kinh-te-toan-cau-20180110212034104.htm

Bộ Công Thương (2016), *Báo cáo tổng kết 2016*, Hà Nội

Bộ Khoa học và Công nghệ (2018), *Việt Nam tăng 2 bậc trong xếp hạng Chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu,* truy cập lần cuối ngày 25/7/2018, từ https://www.most.gov.vn/vn/tin-tuc/14519/viet-nam-tang-2-bac-trong-xep-hang-chi-so-doi-moi-sang-tao-toan-cau.aspx

Cẩm Anh (2018), 'IMF: Nợ toàn cầu đang ở mức cao kỷ lục', *Diễn đàn doanh nghiệp*, truy cập lần cuối ngày 26/7/2018 từ http://enternews.vn/imf-canh-bao-no-toan-cau-dang-o-muc-cao-ki-luc-127958.html

Đinh Hạnh (2016), 'Hệ thống tài chính Việt Nam bị đánh giá rủi ro ở mức rất cao', *Nhịp cầu đầu tư,* truy cập lần cuối ngày 26/7/2018 từ http://nhipcaudautu.vn/kinh-te/he-thong-tai-chinh-viet-nam-bi-danh-gia-rui-ro-o-muc-rat-cao-3283870/

Hùng Cường (2018), 'Chiến tranh thương mại Mỹ-Trung: Không có kẻ thắng chỉ có người thua', *Báo điện tử của đài tiếng nói Việt Nam VOV*, truy cập lần cuối ngày 26/7/2018 từ https://vov.vn/the-gioi/quan-sat/chien-tranh-thuong-mai-mytrung-khong-co-ke-thang-chi-co-nguoi-thua-784517.vov

Khương Nha & Duy Tín (2017), 'Cách mạng Công nghiệp 4.0 là gì?', *Tri thức trực tuyến*, truy cập lần cuối ngày 5/10//2018 từ https://news.zing.vn/cach-mang-cong-nghiep-40-la-gi-post750267.html

M. Hà (2018), 'Cách mạng công nghiệp 4.0: thần kỳ Myanmar, tham vọng Trung Quốc, nỗi lo lắng Donald Trump', *Vietnamnet*, truy cập lần cuối ngày 5/10//2018 từ http://vietnamnet.vn/vn/kinh-doanh/dau-tu/cach-mang-cong-nghiep-4-0-noi-so-cua-ong-donald-trump-va-tuong-lai-chau-a-476224.html

Minh Nhật (2016), 'Bước tiến mới của khoa học và công nghệ Việt Nam*', Nhân dân điện tử,* truy cập lần cuối ngày 26/7/2018 từ http://www.nhandan.com.vn/khoahoc/item/28753802-buoc-tien-moi-cua-khoa-hoc-va-cong-nghe-viet-nam.html

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2018), Nỗ lực xử lý nợ xấu trong quá trình tái cơ cấu các tổ chức tín dụng ở Việt Nam, truy cập lần cuối ngày 26/7/2018 từ https://www.sbv.gov.vn/webcenter/portal/vi/menu/rm/apph/tcnh/tcnh_chitiet?leftWidth=20%25&showFooter=false&showHeader=false&dDocName=SBV334382&rightWidth=0%25&centerWidth=80%25&_afrLoop=675781748567000#%40%3F_afrLoop%3D675781748567000%26centerWidth%3D80%2525%26dDocName%3DSBV334382%26leftWidth%3D20%2525%26rightWidth%3D0%2525%26showFooter%3Dfalse%26showHeader%3Dfalse%26_adf.ctrl-state%3D13cygque0q_9

Nguyễn Chí Hiếu (2018), 'Năng lực cạnh tranh toàn cầu của Việt Nam: 10 năm nhìn lại', Thời báo Kinh tế Sài gòn online, truy cập lần cuối ngày 26/7/2018 từ https://www.thesaigontimes.vn/165486/Nang-luc-canh-tranh-toan-cau-cua-Viet-Nam-10-nam-nhin-lai.html

Nguyễn Thị Hải Hằng (2016), 'Khoa học và công nghệ giai đoạn 2011-2015 - Nhiều thành tựu đột phá', Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam, 1/2016, 2-5

Tạp chí tài chính điện tử (2016a), Bong bóng bất động sản Trung Quốc không ngừng phình to, truy cập lần cuối ngày 28/7/2018 từ http://tapchitaichinh.vn/tai-chinh-quoc-te/nhan-dinh-du-bao/bong-bong-bat-dong-san-trung-quoc-khong-ngung-phinh-to-92181.html

Tạp chí Tài chính điện tử (2018b), Vấn đề bảo hộ thương mại trên thế giới và kiến nghị đối với Việt Nam, truy cập lần cuối ngày 26/7/2018 từ http://tapchitaichinh.vn/nghien-cuu-trao-doi/van-de-bao-ho-thuong-mai-tren-the-gioi-va-kien-nghi-doi-voi-viet-nam-113840.html

Thông tấn xã Việt Nam (2016), OECD: Brexit sẽ bất lợi cho kinh tế toàn cầu, truy cập lần cuối ngày 26/7/2018 từ http://bnews.vn/oecd-brexit-se-bat-loi-cho-kinh-te-toan-cau/18160.html

Thu Thảo (2018), 'Nợ toàn cầu đạt kỷ lục mới 247 nghìn tỉ USD', Thanh niên online, truy cập lần cuối ngày 26/7/2018 từ https://thanhnien.vn/the-gioi/kinh-te-the-gioi/no-toan-cau-dat-ky-luc-moi-247-nghin-ti-usd-982552.html

Tổng cục Thống Kê (2017), Tình hình kinh tế - xã hội năm 2017, Hà Nội

Tổng cục Thống Kê (2018), Tình hình kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm 2018, Hà Nội

Việt Nga (2018), 'IMF cảnh báo nguy cơ tài sản bong bóng ở nhiều thị trường', Báo Đầu tư online, truy cập lần cuối ngày 26/7/2018 từ https://baodautu.vn/imf-canh-bao-nguy-co-tai-san-bong-bong-o-nhieu-thi-truong-d80270.html